

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TK KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN MẪU 05/KK-TNCN (TT80/2021)

(Áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: _____

[05] Mã số thuế: _____

[06] Địa chỉ: _____

[07] Quận/Huyện: Thành phố Hạ Long

[09] Điện thoại: _____

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): _____

[13] Mã số thuế: _____

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: []

Mẫu số: **05/KK-TNCN**

*(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày
29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)*

[08] Tỉnh/Thành phố: Quảng Ninh

[10] Fax: _____

[11] E-mail: _____

Ngày: _____

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	Tổng số người lao động:	[16]	Người	22
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	22
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	Người	6
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	6
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]	[21]	VNĐ	611.151.600
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	611.151.600
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	0
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	0
4	Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí	[25]	VNĐ	0
5	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]	[26]	VNĐ	221.800.000
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	221.800.000
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	0
6	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]	[29]	VNĐ	4.679.650
6.1	Cá nhân cư trú	[30]	VNĐ	4.679.650
6.2	Cá nhân không cư trú	[31]	VNĐ	0
6.3	Trong đó: Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ trên tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[32]	VNĐ	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Tờ khai này chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân trong tháng/quý, không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.
 - Kỳ khai thuế theo tháng áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng hoặc trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập lựa chọn khai thuế theo tháng.
 - Kỳ khai thuế theo quý áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, bao gồm cả tổ chức, cá nhân trả thu nhập không phát sinh doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
-

PHỤ LỤC

Mẫu số: **05-1/PBT-KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo
Thông tư số
80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN PHẢI NỘP ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG VÀ TRÚNG THƯỞNG

(Kèm theo tờ khai 05/KK-TNCN hoặc Kèm theo tờ khai 06/TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[01a] Lần đầu: [] [01b] Bổ sung lần thứ: [1]

[02] Tên người nộp thuế: _____

[03] Mã số thuế: _____

I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Trụ sở chính/đơn vị hạch toán phụ thuộc	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Thu nhập chịu thuế thuộc diện khấu trừ	Số lượng cá nhân nhận thu nhập	Số lượng cá nhân phát sinh khấu trừ thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ
			Huyện	Tỉnh						
[06]	[07]	[08]	[08a]	[08b]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1	Công ty _____	_____	Thành phố Hà Long	Quảng Ninh	Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	554.531.600	197.090.000	20	5	2.958.650
2	Chi nhánh _____	_____	Quận Cầu Giấy	Hà Nội	Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	24.710.000	24.710.000	1	1	1.721.000
3	Chi nhánh _____	_____	Quận Hải Châu	Đà Nẵng	Cục Thuế TP Đà Nẵng	31.910.000	0	1	0	0
Tổng cộng						611.151.600	221.800.000	22	6	4.679.650

II. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Thu nhập tính thuế cho cá nhân	Số thuế TNCN đã khấu trừ	
		Huyện	Tỉnh				
[20]	[21]	[21a]	[21b]	[22]	[23]	[24]	
1					0	0	
Tổng cộng						0	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

1. *Chỉ tiêu [08a], [08b]*: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính.

2. *Cột [21]*:

Phân bổ thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân trúng thưởng được thực hiện theo điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

- *Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi đơn vị phụ thuộc đóng trụ sở vào chỉ tiêu này. Trường hợp trong một tỉnh có nhiều đơn vị phụ thuộc ở nhiều huyện thì chọn 01 đơn vị phụ thuộc tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào chỉ tiêu huyện tại cột [21].

- *Tên địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính*: Kê khai cho tỉnh nơi có địa điểm kinh doanh nếu phát sinh doanh thu bán vé theo từng địa điểm kinh doanh. Trường hợp có nhiều địa điểm kinh doanh trên nhiều huyện thuộc một tỉnh thì chọn 01 địa điểm kinh doanh tại 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

- *Nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh*: Kê khai cho tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh nhưng có phát sinh doanh thu bán vé. Trường hợp trong một tỉnh có phát sinh doanh thu bán vé ở nhiều huyện thì chọn 01 địa bàn huyện phát sinh doanh thu để kê khai vào cột [21].

3. *Chỉ tiêu [21a], [21b]*: Kê khai địa bàn cấp huyện, tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc một cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Cục Thuế thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc một huyện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh hoặc hoạt động bán vé trên nhiều huyện thuộc 1 cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ là Chi cục Thuế khu vực thì chọn 1 đơn vị đại diện hoặc 1 huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI BỔ SUNG

Mẫu số: 01/KHBS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Mẫu tờ khai: TK khấu trừ thuế thu nhập cá nhân Mẫu 05/KK-TNCN (TT80/2021)

[02] Mã giao dịch điện tử: 11220220154894541

[03] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: [REDACTED]

[06] Mã số thuế: [REDACTED]

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):

[08] Mã số thuế:

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	4.679.650
	Tổng cộng: [10]	4.679.650

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Huyện	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	05-1/PBT-KK-TNCN					
	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	[REDACTED]	Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	2.958.650
	1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công	[REDACTED]	Quận Cầu Giấy	Hà Nội	Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	1.721.000
	Tổng cộng: [11]					4.679.650

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày 20/12/2024: 868

b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: 1.218.581

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [12]	0

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	0

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định
3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0
2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

Mẫu số: **01-1/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- [01] Mẫu tờ khai: TK khấu trừ thuế thu nhập cá nhân Mẫu 05/KK-TNCN (TT80/2021)
[02] Mã giao dịch điện tử: 11220220154894541
[03] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế:
[06] Mã số thuế:

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	05/KK-TNCN						
	Tổng số người lao động	[16]	17	22	5	0	
	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động-Tổng số người lao động	[17]	17	22	5	0	
	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]	[18]	0	6	6	0	
	Cá nhân cư trú đã khấu trừ thuế	[19]	0	6	6	0	
	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]	[21]	0	611151600	611.151.600	0	
	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân cư trú	[22]	0	611151600	611.151.600	0	
	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]	[26]	0	221800000	221.800.000	0	
	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân cư trú thuộc diện phải khấu trừ thuế	[27]	0	221800000	221.800.000	0	
	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ [29]=[30]+[31]	[29]	0	4679650	4.679.650	4.679.650	
	Số thuế thu nhập cá nhân cư trú đã khấu trừ	[30]	0	4679650	4.679.650	0	
2	05-1/PBT-KK-TNCN						
	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân - - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh - Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	[10]	0	554531600	554.531.600	0	
	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân - - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	[10]	0	24710000	24.710.000	0	
	Thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân - - Quận Hải Châu - Đà Nẵng - Cục Thuế TP Đà Nẵng	[10]	0	31910000	31.910.000	0	
	Thu nhập chịu thuế thuộc diện khấu trừ - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh - Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	[11]	0	197090000	197.090.000	0	
	Thu nhập chịu thuế thuộc diện khấu trừ - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	[11]	0	24710000	24.710.000	0	
	Số lượng cá nhân nhận thu nhập - - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh - Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	[12]	0	20	20	0	

Số lượng cá nhân nhận thu nhập - [12] - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	0	1	1	0
Số lượng cá nhân nhận thu nhập - [12] - Quận Hải Châu - Đà Nẵng - Cục Thuế TP Đà Nẵng	0	1	1	0
Số lượng cá nhân phát sinh khấu trừ thuế - [13] - Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh - Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	0	5	5	0
Số lượng cá nhân phát sinh khấu trừ thuế - [13] - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	0	1	1	0
Số thuế TNCN đã khấu trừ - [14] Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh - Cục Thuế Tỉnh Quảng Ninh	0	2958650	2.958.650	2.958.650
Số thuế TNCN đã khấu trừ [14] - Quận Cầu Giấy - Hà Nội - Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy	0	1721000	1.721.000	1.721.000
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:			[07]	9.359.300 \
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:			[08]	0 \
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:			[09]	0 \

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)